

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Công Tâm
Ông Ngô Bá Dũng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thuý Dương – Kiểm sát viên

Ngày 17/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 112/2023/TLST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-KDTM ngày 26/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ. Địa chỉ: 30 T, phường K, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Q – Giám đốc, có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1. Địa chỉ: 138 L, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn X – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phạm Duy K - Phó Giám đốc Công ty (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/01/2024), ông K có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 có ký Hợp đồng mua bán v/v cung cấp vật tư số 02/2018/HĐMB ngày 22/01/2018 theo đó Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ bán đá các loại phục vụ cho việc xây dựng công trình.

Công ty Đ đã hoàn thành việc giao nhận, thực hiện đúng các công việc được nêu tại Hợp đồng và xuất hóa đơn đầy đủ theo yêu cầu của Công ty XDCTĐTĐ1

Theo quy định tại Điều 6.IV của hợp đồng, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Công ty Đ gửi hồ sơ thanh toán, Công ty XDCTĐTĐ1 có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đến 100% giá trị hóa đơn. Công ty Đ đã hoàn thành hồ sơ thanh toán theo đúng hợp đồng nhưng Công ty XDCTĐTĐ1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền. Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu Công ty XDCTĐTĐ1 thanh toán dứt điểm số tiền nợ nhưng vẫn chưa thanh toán đầy đủ cho Công ty Đ. Theo Biên bản đối chiếu khối lượng và công nợ ngày 05/7/2022 số dư cuối kỳ Công ty XDCTĐTĐ1 còn nợ Công ty Đ là 363.137.250 đồng. Ngày 01/9/2022, Công ty XDCTĐTĐ1 trả 20.000.000 đồng; ngày 31/10/2022 trả thêm 20.000.000 đồng; ngày 30/11/2022 trả 20.000.000 đồng; ngày 16/01/2023 trả 50.000.000 đồng và ngày 10/11/2023 trả 20.000.000 đồng; ngày 02/01/2024 trả 30.000.000 đồng. Số tiền Công ty cổ phần đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 còn nợ là 203.137.250 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 thanh toán tiền nợ từ hợp đồng mua bán v/v cung cấp vật tư số 02/2018/HĐMB ngày 22/01/2018 là 203.137.250 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 04/07/2019 đến ngày 17/01/2024 mức lãi suất 15,1%/năm (lãi suất trung bình nợ quá hạn của 03 Ngân hàng) là 348.417.730 đồng, tổng cộng là 551.554.980 đồng (Năm trăm năm mươi một triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi đồng).

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 Qua các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì Công ty cổ phần đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 xác nhận lời trình bày của đại diện nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng, các phần công việc đã thực hiện, việc xuất hóa đơn và số tiền còn nợ theo hợp đồng là đúng. Nay Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 thanh toán tiền nợ từ hợp đồng mua bán v/v cung cấp vật tư số 02/2018/HĐMB ngày 22/01/2018 là 203.137.250 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 04/07/2019 đến ngày 17/01/2024 mức lãi suất 15,1%/năm (lãi suất trung bình nợ quá hạn của 03 Ngân hàng) là 348.417.730 đồng, tổng cộng là 551.554.980 đồng (Năm trăm năm mươi một triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi đồng).

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 đồng ý thanh toán số

tiền nợ gốc 203.137.250 đồng cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ.

Đối với số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 04/07/2019 đến ngày 17/01/2024 mức lãi suất 15,1%/năm (lãi suất trung bình nợ quá hạn của 03 Ngân hàng) là 348.417.730 đồng, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 không đồng ý thanh toán số tiền này vì theo hợp đồng không thỏa thuận về tiền lãi chậm thanh toán và biên bản đối chiếu khối lượng và công nợ ngày 05/7/2022 số dư cuối kỳ Công ty XDCT ĐT Đ1 còn nợ Công ty Đ là 363.137.250 đồng và không thỏa thuận về lãi suất.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: Hợp đồng mua bán v/v cung cấp vật tư số 02/2018/HĐMB ngày 22/01/2018 (bản sao); Các hóa đơn giá trị gia tăng (bản sao); Biên bản đối chiếu khối lượng và công nợ ngày 05/7/2022 (bản sao); Công văn đề nghị thanh toán công nợ số 02/ĐNTT ngày 15/7/2023; Bảng tính chi tiết lãi chậm thanh toán; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0400591251 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 20/11/2007 (photo);

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay và các quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 thanh toán tiền nợ là 551.554.980 đồng (*Năm trăm năm mươi một triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm tám mươi đồng*), trong đó tiền nợ từ hợp đồng 203.137.250 đồng, tiền tính từ ngày 04/7/2019 đến ngày 17/01/2024 (ngày xét xử) theo mức lãi chậm thanh toán là 15,1%/năm là 348.417.730 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai Công ty với nhau và đều vì mục đích lợi nhuận, trụ sở của bị đơn đóng tại quận Hải Châu. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền;

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị ĐĐ1 có ký kết Hợp đồng mua bán v/v cung cấp vật tư số 02/2018/HĐMB ngày 22/01/2018 theo đó Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ bán đá các loại phục vụ cho việc xây dựng công trình. Giữa Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị ĐĐ1 có quan hệ mua vật tư xây dựng nhiều lần trong thời gian từ năm 2017 đến ngày 30/6/2019. Công ty Đ đã hoàn thành việc giao nhận, thực hiện đúng các công việc được nêu tại Hợp đồng và xuất hóa đơn đầy đủ theo yêu cầu của Công ty XDCT ĐT ĐĐ1. Hai bên đã đối chiếu công nợ theo Biên bản đối chiếu khối lượng và công nợ ngày 05/7/2022 số dư cuối kỳ Công ty XDCT ĐT ĐĐ1 còn nợ Công ty Đ là 363.137.250 đồng. Ngày 01/9/2022, Công ty XDCT ĐT ĐĐ1 trả 20.000.000 đồng; ngày 31/10/2022 trả thêm 20.000.000 đồng; ngày 30/11/2022 trả 20.000.000 đồng; ngày 16/01/2023 trả 50.000.000 đồng và ngày 10/11/2023 trả 20.000.000 đồng, ngày 02/01/2024 trả 30.000.000 đồng. Số tiền Công ty cổ phần đầu tư xây dựng công trình đô thị ĐĐ1 còn nợ là 203.137.250 đồng.

Nay Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ yêu cầu Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị ĐĐ1 thanh toán số tiền còn nợ là 203.137.250 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu một trăm ba mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi đồng), thì thấy theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng về phương thức thanh toán: Vào ngày 30 hoặc (31) hàng tháng, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng vật tư đã giao nhận trong tháng. Khi bên A phát hành hoá đơn GTGT, trong vòng 05 ngày, bên B sẽ thanh toán 100% giá trị hoá đơn cho bên A kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán. Thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán là khi bên A phát hành hoá đơn GTGT, sau 05 ngày, bên B sẽ thanh toán 100% giá trị hoá đơn cho bên A kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ đã hoàn tất hồ sơ thanh toán cho bên A, đã quá thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ thanh toán nhưng Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị ĐĐ1 chưa thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại các hợp đồng. Vì vậy căn cứ Điều 50, 55 Luật Thương mại và Điều 280, 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ trên là có căn cứ nên chấp nhận, buộc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị ĐĐ1 phải thanh toán số tiền là 203.137.250 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu một trăm ba mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi đồng).

[3] Đối với yêu cầu tiền lãi phạt chậm thanh toán: Tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán, tiền lãi tạm tính từ ngày 04/07/2018 đến ngày 17/01/2024 mức lãi suất 15,1%/năm là 348.417.730 đồng, cụ thể:

Từ ngày 04/7/2019 đến ngày 05/7/2019 dư nợ tính lãi là 1.443.152.250 đồng
 $\times 01 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 597.030 \text{ đồng};$

Từ ngày 06/7/2019 đến ngày 23/7/2019 dư nợ tính lãi là 1.644.067.250 đồng
 $\times 17 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 11.562.522 \text{ đồng};$

Từ ngày 24/7/2019 đến ngày 15/8/2019 dư nợ tính lãi là 1.544.067.250 đồng
 $\times 22 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 14.053.127 \text{ đồng};$

Từ ngày 26/8/2019 đến ngày 30/8/2019 dư nợ tính lãi là 1.444.067.250 đồng
 $\times 04 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 2.389.634 \text{ đồng};$

Từ ngày 01/9/2019 đến ngày 13/9/2019 dư nợ tính lãi là 1.344.067.250 đồng
 $\times 12 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 6.672.465 \text{ đồng};$

Từ ngày 14/9/2019 đến ngày 31/12/2019 dư nợ tính lãi là 1.244.067.250 đồng
 $\times 108 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 55.584.243 \text{ đồng};$

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 21/01/2020 dư nợ tính lãi là 1.144.067.250 đồng
 $\times 20 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 9.465.981 \text{ đồng};$

Từ ngày 22/01/2020 đến ngày 08/4/2020 dư nợ tính lãi là 1.044.067.250 đồng
 $\times 77 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 33.258.547 \text{ đồng};$

Từ ngày 09/4/2020 đến ngày 09/10/2020 dư nợ tính lãi là 543.137.250 đồng
 $\times 183 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 41.119.209 \text{ đồng};$

Từ ngày 10/10/2020 đến ngày 02/02/2021 dư nợ tính lãi là 493.137.250 đồng
 $\times 115 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 23.461.173 \text{ đồng};$

Từ ngày 03/02/2021 đến ngày 11/6/2021 dư nợ tính lãi là 443.137.250 đồng
 $\times 128 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 23.466.694 \text{ đồng};$

Từ ngày 12/6/2021 đến ngày 27/01/2022 dư nợ tính lãi là 413.137.250 đồng
 $\times 229 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 39.139.377 \text{ đồng};$

Từ ngày 28/01/2022 đến ngày 01/9/2022 dư nợ tính lãi là 363.137.250 đồng
 $\times 216 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 32.449.546 \text{ đồng};$

Từ ngày 02/9/2022 đến ngày 31/10/2022 dư nợ tính lãi là 343.137.250 đồng
 $\times 59 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 8.375.369 \text{ đồng};$

Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 30/11/2022 dư nợ tính lãi là 323.137.250 đồng
 $\times 29 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 3.876.761 \text{ đồng};$

Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 16/01/2023 dư nợ tính lãi là 303.137.250 đồng
 $\times 46 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 5.768.743 \text{ đồng};$

Từ ngày 17/01/2023 đến ngày 10/11/2023 dư nợ tính lãi là 253.137.250 đồng
 $\times 296 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 30.997.869 \text{ đồng};$

Từ ngày 11/11/2023 đến ngày 01/01/2024 dư nợ tính lãi là 233.137.250 đồng
 $\times 51 \text{ ngày} \times 15,1\%/năm/365 \text{ ngày} = 4.918.876 \text{ đồng};$

Từ ngày 02/01/2024 đến ngày 17/01/2024 dư nợ tính lãi là 203.137.250 đồng x 15 ngày x 15,1%/năm/365 ngày = 1.260.564 đồng;

Xét thấy, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ đã giao hàng cho Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 lượng hàng có giá trị theo các hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất, theo thỏa thuận tại Hợp đồng thì “*Thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán là khi bên A phát hành hoá đơn GTGT, sau 05 ngày, bên B sẽ thanh toán 100% giá trị hoá đơn cho bên A kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán*”, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán sau 05 ngày xuất hóa đơn là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng. Do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

Về mức lãi chậm thanh toán, nguyên đơn yêu cầu tính lãi là 15,1%/%/năm trên số tiền chậm thanh toán, HĐXX xét thấy, các bên không thỏa thuận mức lãi chậm thanh toán nên HĐXX căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại để xem xét tính lãi. Qua tham vấn thông tin tại các Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển N, Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP N1 thì tại thời điểm xét xử, mức lãi suất tương ứng của các Ngân hàng lần lượt là 8,5%, 12,5%, 9,2%. Lãi suất quá hạn là $(8,5\% + 12,5\% + 9,2\%)/3 \times 150\% = 15,1\%$. Như vậy, mức lãi suất nguyên đơn đưa ra là bằng với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng mức lãi suất của nguyên đơn là 15,1%/năm để tính lãi suất chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn, số tiền lãi bị đơn phải thanh toán là 348.417.730 đồng.

Số tiền Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ số tiền là 551.554.980 đồng (*Năm trăm năm mươi một triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm tám mươi đồng*), trong đó tiền nợ từ hợp đồng 203.137.250 đồng, tiền tính từ ngày 04/7/2019 đến ngày 17/01/2024 (ngày xét xử) theo mức lãi chậm thanh toán là 15,1%/năm là 348.417.730 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 278; Điều 280, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ đối với Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1.

*** Xử:**

1. Buộc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ số tiền là 551.554.980 đồng (*Năm trăm năm mươi một triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm tám mươi đồng*), trong đó tiền nợ từ hợp đồng 203.137.250 đồng, tiền tính từ ngày 04/7/2019 đến ngày 17/01/2024 (ngày xét xử) theo mức lãi chậm thanh toán là 15,1%/năm là 348.417.730 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình đô thị Đ1 phải chịu 26.062.199 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp là 20.482.000 đồng theo biên lai thu số 0001348 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND quận Hải Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Thảo